



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 11 năm 2019

**KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
KHỐI ĐẢNG, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NĂM 2019**

TT	Họ và tên	Số báo danh	Năm sinh	Vị trí tuyển dụng	KẾT QUẢ THI			Ghi chú
					NVCN	Điểm cộng	Tổng điểm	
1	Nguyễn Thị Hồng	02	15/08/1989	Chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy	42,0		42,0	
2	Nguyễn Thị Ánh Trang	04	03/02/1992	Chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy	56,0		56,0	
3	Lê Thị Phương Uyên	06	01/05/1997	Chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy	51,0		51,0	
4	Nguyễn Diệu My	08	20/07/1989	Chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy	46,0		46,0	
5	Lê Thị Thanh Thủy	09	01/01/1993	Chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy	52,0		52,0	
6	Nguyễn Thị Thanh	010	07/04/1990	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Phong Điền	57,0		57,0	
7	Hoàng Thị Minh An	011	18/10/1996	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Phong Điền	31,0		31,0	
8	Hồ Thị Giao Tiên	013	09/03/1997	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Phong Điền	42,0		42,0	
9	Phan Thị Ngọc Anh	014	01/08/1992	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Quảng Điền	52,0		52,0	

10	Nguyễn Thị Thái Hòa	015	10/01/1994	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Quảng Điền	55,0		55,0	
11	Phan Thị Hồng Nhung	017	14/05/1993	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Quảng Điền	51,0		51,0	
12	Nguyễn Tâm	018	15/12/1991	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Quảng Điền	58,0		58,0	
13	Lê Anh Trung	019	03/03/1993	Chuyên viên Văn phòng Thị ủy Hương Trà	59,0		59,0	
14	Hồ Thị Ngọc Linh	021	02/09/1991	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy	54,0		54,0	
15	Lữ Uyên Phương	024	06/11/1989	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy	56,0		56,0	
16	Nguyễn Thị Ngên	028	10/09/1991	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy A Lưới	52,0	5,0	57,0	Con thương bình, người dân tộc thiểu số
17	Hoàng Thị Hào	029	28/01/1991	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy A Lưới	35,0	5,0	40,0	Con thương bình, người dân tộc thiểu số
18	Phan Thị Hiếu	030	10/10/1991	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy A Lưới	43,0		43,0	
19	Dương Thị Thanh Thủy	031	24/01/1994	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	68,0		68,0	
20	Tào Thị Tâm	032	17/08/1995	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	58,0		58,0	
21	Nguyễn Thị Phước Linh	033	02/02/1996	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	66,0		66,0	
22	Chế Công Sơn	035	06/12/1992	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Thị ủy Hương Thủy	45,0		45,0	
23	Võ Thị Thùy Trang	036	24/01/1995	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Thị ủy Hương Thủy	52,0		52,0	

24	Trần Thị Ngọc Anh	037	17/09/1990	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Thị ủy Hương Thủy	51,0		51,0	
25	Trần Thị Phi	038	13/05/1990	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Phú Lộc	67,0		67,0	
26	Lê Thị Ngọc Hân	041	21/09/1992	Chuyên viên Ban Nội chính Tỉnh ủy	40,0		40,0	
27	Nguyễn Thị Thùy Hương	042	02/02/1990	Chuyên viên Ban Tổ chức Thành ủy	70,0		70,0	
28	Trần Thị Thu Thúy	044	18/02/1996	CV Ban Tổ chức Huyện ủy Phú Lộc	53,0		53,0	
29	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	046	08/01/1996	CV Ban Tổ chức Huyện ủy Phú Lộc	54,0		54,0	
30	Nguyễn Hoài Dũng	047	12/06/1992	CV Ban Tổ chức Huyện ủy Phú Lộc	28,0		28,0	
31	Hồ Thủy Tiên	049	01/02/1992	Chuyên viên CQ Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	71,0		71,0	
32	Trương Minh Thủy Tiên	051	25/10/1996	Chuyên viên CQ Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	47,0		47,0	
33	Ngô Thị Mai Trinh	055	01/10/1992	Chuyên viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy	37,0		37,0	
34	Nguyễn Xuân An Thuận	057	22/03/1993	Chuyên viên Ban Dân vận Thành ủy	45,0		45,0	
35	Cái Trần Quốc Nam	060	07/05/1985	Chuyên viên Ban Dân vận Huyện ủy Phú Lộc	43,0	2,5	45,5	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự
36	Nguyễn Lê Quỳnh Như	062	13/03/1997	Chuyên viên UBMTTQVN Thành phố Huế	50,0		50,0	
37	Lê Thị Thu Ni	063	22/11/1993	Chuyên viên UBMTTQVN Thành phố Huế	51,0		51,0	
38	Nguyễn Thị Bích Ngọc	064	10/01/1989	Chuyên viên UBMTTQVN Thành phố Huế	40,0		40,0	
39	Đỗ Trọng Thiên Sơn	068		Chuyên viên UBMTTQVN tỉnh	51,0		51,0	

40	Hoàng Lê Nhật Thảo	073	25/02/1995	Chuyên viên UBMTTQ VN tỉnh	51,0		51,0	
41	Trần Thị Nhật Linh	076	08/08/1995	Chuyên viên UBMTTQ VN tỉnh	40,0		40,0	
42	Hồ Hoàng Anh	078	26/01/1995	Chuyên viên Tỉnh đoàn	45,0		45,0	
43	Nguyễn Thị Thảo Hoài	080	01/10/1995	Chuyên viên Tỉnh đoàn	46,0		46,0	
44	Mai Nguyễn Minh Ngọc	085	10/10/1997	Chuyên viên Tỉnh đoàn	39,0		39,0	
45	Hồ Thị Khánh Vân	089	13/07/1995	Chuyên viên Tỉnh đoàn	76,0		76,0	
46	Trương Thị Ngọc Lan	090	24/11/1995	Chuyên viên cơ quan Thị Đoàn Hương Trà	64,0		64,0	
47	Nguyễn Hà Tiên	091	13/04/1995	Chuyên viên cơ quan Thị Đoàn Hương Trà	50,0		50,0	
48	Nguyễn Hồng Sơn	093	16/07/1996	Chuyên viên cơ quan Thị Đoàn Hương Trà	68,5		68,5	
49	Nguyễn Nhật Nam	096	02/08/1996	Chuyên viên Thành Đoàn	51,5		51,5	
50	Huỳnh Ngọc Niên	097	12/07/1996	Chuyên viên Thành Đoàn	60,0		60,0	
51	La Thị Thu Thảo	099	27/01/1995	Chuyên viên Thành Đoàn	50,0		50,0	
52	Phạm Tấn Xuân Cao	0100	03/10/1994	Giảng viên Trường Chính trị NCT	33,5		33,5	
53	Lê Phương Hạnh Nhi	0103	13/05/1995	Biên dịch viên Báo TT Huế	66,0		66,0	
54	Nguyễn Tú Uyên	0104	12/04/1997	Biên dịch viên Báo TT Huế	52,0		52,0	
55	Hồ Thị Hoàng Anh	0105	01/01/1997	Biên dịch viên Báo TT Huế	27,5		27,5	

56	Lê Hữu Phúc	0107	02/10/1992	Phóng viên Báo TT Huế	66,5		66,5	
57	Đỗ Hoàng Phước Ly	0108	31/05/1992	Phóng viên Báo TT Huế	50,0		50,0	
58	Trần Thị Thanh Thảo	0110	20/08/1991	Phóng viên Báo TT Huế	37,0		37,0	
59	Mai Thị Huế	0112	06/05/1994	Phóng viên Báo TT Huế	41,0		41,0	
60	Hoàng Minh Nguyên	0113	03/08/1995	Phóng viên Báo TT Huế	51,0		51,0	

Gửi Thí sinh dự thi, đơn vị có Thí sinh dự thi, đăng tải trên mạng

